TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** TỈNH NINH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS - ST
Ngày: 14-7- 2022.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lê Thị Hường
- Ông Phạm Ngọc Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2021/TLST-TCDS ngày 17 tháng 02 năm 2022, về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐST-DS, ngày 27-5-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số:12/2022/QĐST- DS, ngày 13-6-2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm: 1984.
Địa chỉ: Khu phố x, phường Đ, T.P P, Ninh Thuận
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1989.
Địa chỉ: Khu phố x, thị trấn P, huyện N, Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ngày 08-10-2021 bà T có vay của bà số tiền 10.000.000 đồng theo hợp đồng vay PN 21010/3/10, 2 bên có thỏa thuận lãi suất là 1.75% trên tháng, số tiền lãi theo hợp đồng 700.000 đồng, số tiền góp hàng ngày 89.000 đồng, số tiền góp ngày cuối 109.000 đồng; thời hạn trả 4 tháng từ ngày 08/10/2021 đến 05/02/2022.

Tính đến ngày 01/12/2021 bà T đã trả cho bà 1.869.000 đồng, số tiền bà T còn phải trả cho bà đến ngày 05/02/2022 là 8.831.000 đồng.

Trong đó: nợ gốc 8.254.000 đồng, lãi 577.000 đồng,

Tại phiên tòa bà L xác nhận bà T đã trả cho bà 4.450.000 đồng, bà đồng ý tính lãi 1,67%/tháng theo Điều 468 Bộ luật dân sự và bà đồng ý trừ số tiền 4.450.000 đồng của bà T trả vào khoản nợ gốc 10.000.000 đồng .

Bà L yêu cầu bà T tiếp tục trả nợ gốc cho bà 5.550.000 đồng và lãi 4 tháng theo hợp đồng là 668.000 đồng, còn lãi phát sinh bà không yêu cầu tính.

Tính cả gốc lẫn lãi là 6.218.000 đồng.

Đối với bị đơn Tòa án tống đạt theo thủ tục tố tụng, bị đơn nhận các thông báo triệu tập, nhưng bị đơn không có mặt, chứng tỏ bị đơn tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo thủ tục tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối vời bị đơn đã nhận các thông báo theo thủ tục tố tụng, nhưng không có mặt để chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chứng tỏ bị đơn tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo qui định pháp luật xét xử.

Buộc bà bà T tiếp tục trả nợ gốc cho bà 5.550.000 đồng và lãi 4 tháng theo hợp đồng là 668.000 đồng, còn lãi phát sinh bà không yêu cầu tính.

Tính cả gốc lẫn lãi là 6.218.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp*:* Hội đồng xét xử xét thấy tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

[2] Nội dung pháp luật áp dụng: Bộ luật dân sự 2015; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Nguyên đơn khẳng định: bà Nguyễn Thị Thu T có vay của bà số tiền 10.000.000 đồng, tính đến ngày xét xử đã trả được 4.450.000 đồng, hiện bà T còn nợ của bà Phạm Thị Kim L nợ gốc 5.550.000 đồng và lãi theo hợp đồng là 668.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc lẫn lãi là 6.218.000 đồng.

Nay bà L yêu cầu bà Hương trả nợ gốc 5.550.000 đồng và đồng ý tính lãi suất 668.000 đồng theo Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[4] Xét trình bày của phía nguyên đơn, tài liệu, chứng cứ chứng minh có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Thu T còn nợ của bà Phạm Thị Kim L nợ gốc 5.550.000 đồng và lãi theo hợp đồng là 668.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc lẫn lãi là 6.218.000 đồng là có căn cứ .

[5] Từ phân tích và các căn cứ trên Hội đồng xét xử sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà Phạm Thị Kim L nợ gốc 5.550.000 đồng và lãi theo hợp đồng là 668.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc lẫn lãi là 6.218.000 đồng.

[6] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 310.900 đồng (Ba trăm mười ngàn chín trăm đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0002324, ngày 16-02-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326 UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Kim L về yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà Phạm Thị Kim L số tiền nợ gốc 5.550.000 đồng (Năm triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn) và lãi theo hợp đồng là 668.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi tám ngàn đồng chẵn).

Tổng cộng cả gốc lẫn lãi là 6.218.000 đồng (Sáu triệu hai trăm mười tám ngàn đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 310.900 đồng (Ba trăm mười ngàn chín trăm đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0002324, ngày 16-02-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

"...trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn báo cho những người có mặt biết quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được tống đạt bản án theo thủ tục tố tụng.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Hường; Phạm Ngọc Minh **Đoàn Sửu**

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N (để thi hành);
- Các đương sự (để biết);
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Đoàn Sửu

Các Hội thẩm nhân dân

Lê Thị Hường; Bà Bá Thị Thu Vân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Sửu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N
(để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Đoàn Sửu